

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Quách Kim Anh	Chủ tịch
Ông Trịnh Trung Hiếu	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Lạc	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Trung Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Tràng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trịnh Trung Hiếu**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013



## Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: +84 (4) 62 782 904  
Fax: +84 (4) 62 782 905  
www.anphugroup.com.vn

Số: 57/2013/AP - BCKT

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Các Báo cáo tài chính được lập ngày 27 tháng 03 năm 2013 từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vũ Bình Minh**

**Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

**Đoàn Thu Hằng**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số 1396/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013*

102  
C  
CH  
<IE  
A  
47

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		01/01/2012	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>224.584.398.370</b>		<b>208.576.984.336</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>57.785.001.603</b>		<b>14.437.307.044</b>	
1. Tiền	111		8.752.911.640		14.437.307.044	
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.032.089.963		-	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.173.178.965</b>		<b>72.526.554.407</b>	
1. Phải thu của khách hàng	131		44.734.605.182		63.300.929.438	
2. Trả trước cho người bán	132		9.606.141.583		5.192.920.743	
5. Các khoản phải thu khác	135	5	3.633.265.800		4.456.199.539	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(800.833.600)		(423.495.313)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>105.864.012.850</b>		<b>118.017.658.372</b>	
1. Hàng tồn kho	141		107.923.214.294		118.017.658.372	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.059.201.444)		-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.762.204.952</b>		<b>3.595.464.513</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.956.186.690		2.095.339.869	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.272.616		85.864.167	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.879.552		683.816.016	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		786.866.094		730.444.461	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>155.013.558.041</b>		<b>171.832.275.340</b>	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>152.326.532.986</b>		<b>167.942.484.960</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	55.568.261.179		55.710.023.033	
- Nguyên giá	222		148.786.616.294		138.244.530.031	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.218.355.115)		(82.534.506.998)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	7	66.126.747.192		81.592.978.385	
- Nguyên giá	225		105.454.417.077		110.666.534.709	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.327.669.885)		(29.073.556.324)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	29.078.656.745		29.078.656.745	
- Nguyên giá	228		29.078.656.745		29.078.656.745	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-		-	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.552.867.870		1.560.826.797	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.687.025.055</b>		<b>3.889.790.380</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.358.992.655		2.390.257.980	
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.328.032.400		1.499.532.400	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>379.597.956.411</b>		<b>380.409.259.676</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		01/01/2012	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>233.106.792.065</b>		<b>267.651.604.810</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>197.398.393.947</b>		<b>197.382.588.749</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	41.222.106.571		66.667.248.071	
2. Phải trả cho người bán	312		85.681.510.563		76.301.243.119	
3. Người mua trả tiền trước	313		9.751.733.137		1.881.533.249	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.371.975.493		8.538.635.738	
5. Phải trả người lao động	315		36.733.636.470		31.198.456.323	
6. Chi phí phải trả	316		6.241.492.640		6.150.521.238	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	7.253.513.153		4.560.968.882	
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		5.142.425.920		2.083.982.129	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35.708.398.118</b>		<b>70.269.016.061</b>	
3. Phải trả dài hạn khác	333		3.697.954.163		3.304.271.842	
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	32.010.443.955		66.651.554.086	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		313.190.133	
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>146.491.164.346</b>		<b>112.757.654.866</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>146.491.164.346</b>		<b>112.757.654.866</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000		73.425.000.000	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		(83.637.234)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.134.287.452		15.893.035.730	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.437.623.722		2.316.997.761	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.919.253.172		21.206.258.609	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>379.597.956.411</b>		<b>380.409.259.676</b>	

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị	31/12/2012	01/01/2012
1. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ	USD	1.590.986,65	177.686,81



Trịnh Trung Hiếu  
Tổng Giám đốc

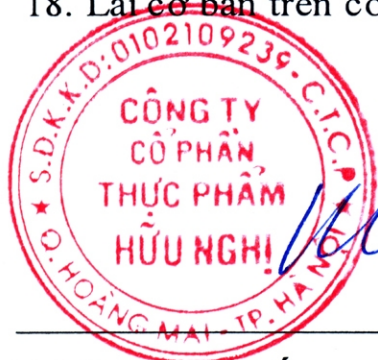
Lê Thị Ánh  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**MẪU SỐ B 02 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	962.522.347.261	1.090.746.636.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	13.253.486.697	9.781.295.324
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	949.268.860.564	1.080.965.341.368
4. Giá vốn hàng bán	11	20	760.516.309.489	900.573.781.351
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		188.752.551.075	180.391.560.017
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.465.410.017	1.332.258.886
7. Chi phí tài chính	22	22	15.191.107.273	24.694.105.325
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14.975.277.045	24.538.384.712
8. Chi phí bán hàng	24	23	120.363.463.009	104.166.643.669
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	26.329.649.918	23.902.361.829
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		28.333.740.892	28.960.708.080
11. Thu nhập khác	31	25	1.795.298.886	1.024.000.807
12. Chi phí khác	32	25	1.027.381.697	1.638.581.754
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	767.917.189	(614.580.947)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		29.101.658.081	28.346.127.133
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	7.332.097.044	7.128.031.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	11.836.683
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		21.769.561.037	21.206.258.609
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	2.576	2.967



**Trịnh Trung Hiếu**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2013

**Lê Thị Ánh**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
(theo phương pháp gián tiếp)

**MẪU SỐ B 03 - DN**  
Đơn vị tính: VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.101.658.081	28.346.127.133
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	23.992.988.308	23.792.496.417
- Các khoản dự phòng	03	2.436.539.731	233.374.478
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	17.897.196	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.520.453.887)	(861.690.488)
- Chi phí lãi vay	06	14.975.277.045	24.538.384.712
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	69.003.906.474	76.048.692.252
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.691.621.192	29.517.996.201
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.094.444.078	(9.737.429.680)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	20.828.455.723	15.079.198.299
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	170.418.504	3.136.903.549
- Tiền lãi vay đã trả	13	(15.522.360.133)	(25.391.895.064)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.366.450.557)	(7.222.196.113)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.873.630.559	2.601.910.262
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.098.705.500)	(1.495.483.037)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>92.674.960.340</i>	<i>82.537.696.669</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.412.153.979)	(4.555.628.124)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	156.363.636	154.545.455
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	157.000.000
7. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.392.318.972	776.400.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(6.863.471.371)</i>	<i>(1.467.682.669)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	26.575.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	426.360.546.484	629.172.588.364
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(469.637.195.537)	(687.349.714.581)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(16.641.840.316)	(18.067.886.001)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.134.088.000)	(6.488.429.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(42.477.577.369)</i>	<i>(82.733.441.218)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>43.333.911.600</b>	<b>(1.663.427.218)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	60	<b>14.437.307.044</b>	<b>16.029.174.184</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	13.782.959	71.560.078
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	70	<b>57.785.001.603</b>	<b>14.437.307.044</b>

Trịnh Trung Hiếu  
Tổng Giám đốc

Lê Thị Ánh  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013